

Bản án số: 142/2025/KDTM-ST

Ngày: 30-9-2025

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương

Các hội thẩm nhân dân:

- Bà Hoàng Thị Kim Yến
- Bà Lâm Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Lữ - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh (Cơ sở 1) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 255/2024/TLST-KDTM ngày 20 tháng 12 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 450/2025/QĐXXST-KDTM ngày 18 tháng 8 năm 2025; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 403/2025/QĐST-KDTM ngày 09 tháng 9 năm 2025 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 673/2025/QĐXXST-KDTM ngày 10 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH Xây dựng Công trình V

Trụ sở: 670 – 672 đường B, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh (Trước đây là 670 – 672 đường B, Phường K, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Văn H, sinh năm 1963; Chức danh: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số: 88/UQ/HV.2024 ngày 18/10/2024): Bà Chu Thị D, sinh năm 1992.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Tập đoàn S

Trụ sở: 53A đường G, phường Y, Thành phố Hồ Chí Minh (Trước đây là: 53A đường G, Phường F, quận O, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Duy A, sinh năm 1978; Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 18/10/2024 của Nguyên đơn – Công ty TNHH Xây dựng Công trình H (sau đây gọi là Nguyên đơn) cùng trình bày của bà Chu Thị D là người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án thì: Ngày 22/8/2022 giữa Nhà máy Bê tông Đức sẵn Hùng Vương – Chi nhánh Công ty TNHH Xây dựng Công trình H (sau đây gọi là Chi nhánh) và Công ty CP Tập đoàn S (sau đây gọi là Bị đơn) có ký Hợp đồng mua bán hàng hóa là công thoát nước cùng phụ kiện đi kèm (phục vụ cho công trình tại phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) với giá trị hợp đồng là 484.430.360đ, Chi nhánh đã giao hàng và xuất hóa đơn đầy đủ theo hợp đồng cho Bị đơn. Ngày 04/3/2023, giữa Chi nhánh và Bị đơn đã lập Biên bản đối chiếu công nợ theo đó Bị đơn xác nhận có nợ Chi nhánh 484.430.360đ, sau đó Bị đơn đã thanh toán 100.000.000đ nên số nợ còn lại là 384.430.360đ. Chi nhánh đã nhiều lần yêu cầu Bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhưng Bị đơn không thực hiện nên Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Bị đơn phải thanh toán cho Nguyên đơn tổng số tiền hàng còn thiếu theo Hợp đồng mua bán số 172A/HĐVC/2022 ngày 22/8/2022 là 384.430.360đ (Ba trăm tám mươi bốn triệu bốn trăm ba mươi ngàn ba trăm sáu mươi đồng), thanh toán một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập Bị đơn để tự khai; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng Bị đơn đều vắng mặt.

Tại phiên tòa: Bị đơn vắng mặt.

Bà Chu Thị D là người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn trả tiền hàng còn thiếu theo Hợp đồng mua bán số 172A/HĐVC/2022 ngày 22/8/2022 là 384.430.360đ, thanh toán một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã làm đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền, thủ tục hòa giải. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX tuyên xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện “tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” do Bị đơn có trụ sở tại quận Tân Bình (cũ) nên Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh) thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về việc tham gia phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh: Trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn – bà Chu Thị D có mặt; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn.

[4] Đối với yêu cầu Bị đơn phải trả 384.430.360đ nợ gốc của Nguyên đơn. Xét thấy:

Căn cứ vào Hợp đồng mua bán hàng hóa số: 172A/HĐVC.2022 ngày 22/8/2022 giữa Chi nhánh và Bị đơn thể hiện hai bên có giao dịch về việc mua bán với nhau; Căn cứ Hóa đơn GTGT số 2813 ngày 29/12/2022 thì giá trị hóa đơn là 472.453.560đ, Hóa đơn số 2814 ngày 29/12/2022 thì giá trị hóa đơn là 11.976.800đ.

Căn cứ Biên bản đối chiếu công nợ (từ ngày 01/12/2022 đến ngày 31/12/2022) số: 02-VC1/ĐCVC.23 ngày 04/3/2023 giữa Bị đơn và Chi nhánh thể hiện Bị đơn còn nợ Chi nhánh 484.430.360đ; Căn cứ Biên bản đối chiếu công nợ (từ ngày 01/01/2024 đến ngày 29/8/2024) số: 85-VC1/ĐCVC.24 ngày 29/8/2024 giữa Bị đơn và Chi nhánh thể hiện Bị đơn còn nợ Chi nhánh 384.430.360đ;

Từ những căn cứ trên có đủ cơ sở xác định Bị đơn còn nợ Nguyên đơn 384.430.360đ nên yêu cầu của Nguyên đơn là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử buộc Bị đơn phải có trách nhiệm trả cho Nguyên đơn 384.430.360đ nợ gốc.

[5] Về thời hạn thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là không trái quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[6] Đối với ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, trả lại Nguyên đơn 9.610.759đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, Bị đơn phải chịu 19.221.518đ án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 21; Khoản 1 Điều 30; điểm b Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Điều 227; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 24; Điều 34; Điều 50 của Luật Thương mại năm 2005;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ Khoản 1, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn – Công ty TNHH Xây dựng Công trình H.

Buộc Công ty Cổ phần Tập đoàn S có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH Xây dựng Công trình H 384.430.360đ (Ba trăm tám mươi bốn triệu bốn trăm ba mươi ngàn ba trăm sáu mươi đồng) nợ gốc.

2/ Thời hạn và phương thức trả: Trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

3/ Về địa điểm thi hành: Thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

4/ Về án phí: Công ty Cổ phần Tập đoàn S phải chịu 19.221.518đ (Mười chín triệu hai trăm hai mươi một ngàn năm trăm mười tám đồng) tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại Công ty TNHH Xây dựng Công trình H 9.610.759đ (Chín triệu sáu trăm mười ngàn bảy trăm năm mươi chín đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo

Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002947 ngày 02/12/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh).

5/ Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty TNHH Xây dựng Công trình H cho đến khi thi hành án xong khoản tiền phải trả, Công ty Cổ phần Tập đoàn S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán.

5/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

6/ Về quyền kháng cáo: Công ty TNHH Xây dựng Công trình H có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty Cổ phần Tập đoàn S được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

7/ Về quyền kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 4 – Tp.Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 4 – Tp.Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Mai Hương